TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1234/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hòa.

2. Ông Tô Bửu Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 918/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mỹ N, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Ngô H, cư trú tại: Tổ X, khu vực Y, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ N trình bày:

Chị và anh Đặng Ngô H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q vào ngày 23-7-2015. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung

sống tại nhà của mẹ chị, có tách hộ khẩu riêng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau này, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do chồng chị ham chơi, không quan tâm chăm lo gia đình, nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập chị, đập phá vật dụng trong nhà. Chị đã một lần gửi đơn ly hôn nhưng được Tòa án động viên và cũng vì thương con nên chị đã cố gắng chịu đựng và rút đơn khởi kiện, nhưng về sau chồng chị vẫn không thay đổi. Vợ chồng tuy còn sống chung một nhà nhưng đã không còn gần gũi, quan hệ với nhau. Nay tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị và anh H có 01 con chung là Đặng Dương K (sinh ngày 21-11-2016), hiện đang sống với chị, sức khỏe bình thường. Chị mua bán quần áo, thu nhập trung bình 3.000.000 đồng/tháng. Anh H lái taxi, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu K và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ nần ai.

* Tại bản khai đề ngày 02 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đặng Ngô H trình bày:

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị N trình bày. Vì mâu thuẫn gia đình nên vợ anh đòi ly hôn. Riêng anh không muốn chuyện đó xảy ra, vì anh còn thương con và không muốn sau này con không có cha. Nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, giao con cho chị N nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung của vợ chồng mà chị N đang giữ gồm có 23 chỉ vàng y (vàng cưới) và 25.000.000 đồng, anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh không có nợ nần ai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn; giao con chung là cháu K cho chị N nuôi; chấp nhận một phần yêu cầu của chị N, buộc anh H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng; các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đặng Ngô H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Dương Thị Mỹ N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Anh Đặng Ngô H có đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng hết thời hạn thông báo mà không nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q vào ngày 23-7-2015, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Thời gian chung sống, giữa chị N và anh H đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế gia đình như anh chị đã thừa nhận và nội dung Biên bản xác minh tại địa phương ngày 04-10-2018 (bút lục số 33). Chị N cương quyết ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho chị N, anh H được ly hôn.

[5] Chị N và anh H có 01 con chung là Đặng Dương K (sinh ngày 21-11-2016), hiện đang sống với mẹ, sức khỏe bình thường. Cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi, chị N xin nuôi con, anh H đồng ý giao con cho chị N nuôi. Do đó, theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa giao cháu K cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N là chính đáng, phù hợp với các Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng nuôi con phải phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Cho nên, theo các Điều 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận một phần yêu cầu của chị N, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 12-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[7] Chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh H có yêu cầu nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Mỹ N và anh Đặng Ngô H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Dương Thị Mỹ N và anh Đặng Ngô H có 01 con chung là Đặng Dương K (sinh ngày 21-11-2016), đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu K cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ tháng 12-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Dương Thị Mỹ N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng. Trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000317 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Đặng Ngô H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. B, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh